

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2019.

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24/9/2019 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Lâm Hoàng X, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: TL 932, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Dương Trần Thanh T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 24 đường U, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Hoàng X thì vụ án có nội dung như sau:*

Nguyên đơn X và bị đơn T tự nguyện tổ chức đám về sống chung, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/5/2003. Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Lâm B, sinh ngày 02/5/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng ý kiến, bà T không quan tâm, chăm sóc chồng con, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên có động viên hàn gắn nhưng không đoàn tụ được. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được. Vì vậy, Nguyên đơn X

khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Lâm Hoàng X yêu cầu được ly hôn vợ là bị đơn Dương Trần Thanh T.

- *Về con chung*: Yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lâm B, sinh ngày 02/5/2004, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn T trình bày*: Bà thừa nhận nguyên đơn X trình bày về thời gian tổ chức đám cưới về sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và con chung là đúng sự thật; bà không đồng ý ly hôn, vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng chăm lo cho con gái.

Nếu theo quy định của pháp luật giải quyết để ông X ly hôn với bà thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai thì người đó nuôi, nếu muốn sống với bà thì bà nuôi và bà yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn X, giải quyết để nguyên đơn X được ly hôn vợ là bị đơn T vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Con chung tên Mai có nguyện vọng sống chung với cha là nguyên đơn X sau khi cha mẹ ly hôn và nguyên đơn X cũng đồng ý nuôi cháu Mai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cho nguyên đơn X được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B, bị đơn T không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn X không yêu cầu, bị đơn T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này. Tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận họ tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/5/2003. Vì vậy, quan hệ về hôn nhân của các đương sự là hợp pháp, được pháp

luật bảo vệ. Khi các bên phát sinh tranh chấp thì được giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn vợ là bị đơn T vì cho rằng sống chung không hạnh phúc, bị đơn T không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải ly hôn và mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng chăm lo cho con gái.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn X thì thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải được cả hai cùng vun đắp, xây dựng, không thể xuất phát từ một bên. Tại phiên tòa, nguyên đơn X trình bày không còn tình cảm yêu thương bị đơn T và cương quyết không sống chung cùng bị đơn T, thì không ai có quyền ép buộc nguyên đơn X phải sống chung cùng bị đơn T. Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ 02 lần nhưng các đương sự không thể đoàn tụ được. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn X, tuyên bố nguyên đơn Lâm Hoàng X được ly hôn vợ là bị đơn Dương Trần Thanh T.

[2] *Về con chung:* Các đương sự đều thừa nhận có 01 con chung tên Lâm B, sinh ngày 02/5/2004. Lời thừa nhận của các đương sự về con chung phù hợp với Giấy khai sinh của con chung được lưu trong hồ sơ vụ án. Các đương sự đề mong muốn nuôi con và tôn trọng ý kiến của con là muốn sống chung với ai thì người đó nuôi. Cháu B có nguyện vọng muốn sống chung với cha là nguyên đơn X sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cháu B, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho cha là nguyên đơn X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Do nguyên đơn X không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kê Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[3] *Án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn X phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Hoàng X.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Lâm Hoàng X được ly hôn vợ là bị đơn Dương Trần Thanh T.

2. *Về con chung*: Nguyên đơn X được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung tên Lâm B, sinh ngày 02/5/2004 đến khi đủ 18 tuổi. Bị đơn T không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn X không yêu cầu. Bị đơn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn X đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000892, ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Thới An Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung